

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

SUY NGHĨ VỀ TỰ DO TÔN GIÁO VÀ TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

ĐỖ QUANG HUNG^(*)

1. Hiện nay khi nói đến “tự do tôn giáo” người ta nói nhiều về *Đa nguyên tôn giáo* (religious pluralism) với ý nghĩa những nước có truyền thống tôn giáo độc thần giữ vị trí chủ lưu có chấp nhận các tôn giáo nhóm nhỏ, thiểu số theo chân các dòng người nhập cư hay không? Có lẽ ở Việt Nam chuyện này “không có vấn đề gì”. Có thể có câu hỏi: Tâm thức tôn giáo (religiosity) người Việt Nam thế nào khi tiếp thu nhiều tôn giáo ngoại nhập như thế? Thực ra, trong lịch sử, ở Việt Nam đã có những lúc cái tôn giáo phương Tây truyền vào bị coi là “tà giáo Tây dương” (với *Công giáo*) hay “đạo Hoa Kỳ” (với *Tin Lành*), nhưng người Việt Nam nói chung, với tâm thức tôn giáo mềm dẻo và đa nguyên, đã chấp nhận tất cả khá dễ dàng.

Điều đáng nói là hệ thống tôn giáo ở Việt Nam vốn đã phong phú ngày càng đa dạng thêm bởi sự có mặt đông đảo của các “hiện tượng tôn giáo mới” (New religious movements), không cản trở truyền thống “Tam giáo đồng nguyên” (dù Việt Nam không phải quê hương của truyền thống này), hoà đồng tôn giáo. Giải thích hiện tượng cơ bản: ở Việt Nam *không có chiến tranh tôn giáo*, nhiều người

nhấn mạnh yếu tố *chủ nghĩa dân tộc* lâu đời và bền bỉ của người Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước, khiến chính các tôn giáo phải gắn bó với dân tộc và hoà thuận với nhau. Không có gì cố kết một dân tộc mạnh bằng tôn giáo mà cũng không có gì chia rẽ sâu sắc các tộc người như tôn giáo. May mắn là ở Việt Nam cho đến nay vẫn duy trì được yếu tính thứ nhất. Phật tử Việt Nam có câu nói rất hay: *Phật giáo gắn bó với dân tộc như nước hoà với sữa!*

Công giáo Việt Nam, với 5,6 triệu tín đồ, đứng thứ 3 ở Châu Á (chỉ sau Philippines và Đông Timor) về tỉ lệ dân số. Mốc ra đời Tin Lành ở Việt Nam chậm (1911, ở thành phố Đà Nẵng) và đến 1938 mới được chính quyền thực dân Pháp công nhận tư cách pháp nhân. Đứng là Tin Lành Việt Nam khởi nguồn từ *Hội truyền giáo Phúc Âm liên hiệp* (Christian and Missionary Alliance) của các Mục sư Mỹ và Canada, trở thành hệ phái Tin Lành chủ yếu ở Việt Nam với trên dưới 1 triệu tín đồ. Nhưng cũng phải nói rằng,

*. GS, TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Đây là tham luận của tác giả tại Hội thảo quốc tế về *Tự do tôn giáo và luật pháp*, diễn ra ở Trường Đại học Georgetown (Hoa Kỳ), tháng 3 năm 2006.

gia đình Tin Lành ở Việt Nam hiện nay thực phong phú. Có những hệ phái thuộc *Tin Lành Phúc Âm* (Evangelical) chiếm số đông đảo, mà cũng có nhiều hệ phái thuộc hệ *Ngũ Tuần* (Pentecostism, ở Việt Nam quen gọi là *Tin Lành Linh Ân*), và các tổ chức Tin Lành không hệ phái, v.v...

2. Thực ra ở Việt Nam, cũng như ở các nước Châu Á, quyền *tự do tôn giáo* nếu được hiểu qua sự thể chế hoá bằng luật pháp, là chuyện xa lạ ít ra đến khi chủ nghĩa thực dân bị giải thể ở châu lục này. Chế độ phong kiến Đông Á thường *đứng trên các tôn giáo*, điều khiển các tôn giáo. Ở Việt Nam, dù có những thế kỉ mà Phật giáo có địa vị chính trị - xã hội (thế kỉ XI - XIII) hoặc Nho giáo trong nhiều thế kỉ tiếp theo, nhưng theo tôi, chưa bao giờ ở Việt Nam có chế độ quốc giáo đúng nghĩa.

Thế kỉ XX là “thời đại của những thái cực”, trong đó vấn đề tôn giáo là chuyện gay gắt. Trong khung cảnh chiến tranh lạnh, đối đầu giữa các hệ ý thức, vấn đề xung đột vô thân - hữu thân cũng đến đỉnh điểm. Đây là lần duy nhất ở nửa nước Việt Nam, giai đoạn 1954 - 1975 có chế độ Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu là các chế độ dựa hẳn vào Công giáo để chống “Cộng sản vô thân” và đàn áp các tôn giáo ngoài Công giáo.

Thực lạ lùng, dù trong khung cảnh quyết liệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dù chịu ảnh hưởng của những *tư tưởng tả khuynh* của phong trào cộng sản quốc tế trong việc nôn nóng xoá bỏ ảnh hưởng của tôn giáo, nhưng với chủ nghĩa dân tộc truyền thống và tư tưởng Hồ Chí Minh, người Việt Nam đã có được cái nhìn bình tĩnh hơn trước những “thực tại tôn giáo”.

Lẽ dĩ nhiên, cũng cần lưu ý rằng, việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo như ở Việt Nam phải đặt nó trong cả quá trình *giải thực dân* và khung cảnh *đối đầu* của cuộc chiến tranh lạnh. Cần phải có thời gian cho quá trình này.

Tuy vậy, những gì đã và đang diễn ra của “quyền tự do tôn giáo” ở Việt Nam, đặc biệt từ năm 1945 khi nước Việt Nam mới ra đời, là “nhanh hơn ngoài sức tưởng tượng” như nhiều trí thức các tôn giáo tâm sự với tôi.

Nước Mỹ hoàn toàn có thể tự hào vì, trước cả người Pháp (Cách mạng tư sản từ sau 1789), *Tuyên ngôn Độc lập* của mình đã nói đến quyền tự do tôn giáo. Những nhà tư tưởng như John Locke đã đặt nền móng cho quyền này khi ông nói rằng tôn giáo là vấn đề của cá nhân hơn là của xã hội và vai trò của nhà nước không phải là khuyến khích tôn giáo mà trái lại, là bảo vệ quyền của mỗi cá nhân được sở hữu niềm tin của mỗi người. Đồng thời, Locke cũng chỉ ra rằng, sự liên kết giữa tham vọng tôn giáo và quyền lực cá nhân sẽ kết thúc chỉ khi lịch sử xoá bỏ sự liên kết giữa Nhà thờ và Nhà nước.

Ở Việt Nam, ngay đầu năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng công khai tự nhận mình là một học trò nhỏ của cả Đức Phật Thích Ca, Giê-su, Mác và Tôn Dật Tiên! Chỉ một ngày sau khi trở thành Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 3/9/1945, Hồ Chí Minh đã tuyên bố “Tín ngưỡng tự do, Lương - Giáo đoàn kết”, như một điểm nhấn trong cương lĩnh hành động đầu tiên của Chính phủ.

Nếu như ngày hôm qua, ước vọng *Độc lập - Tự do* là sợi dây nối kết *Đạo - Đời* thì hôm nay mục tiêu *Dân giàu, nước mạnh*,

xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã và đang trở thành điểm *đồng thuận giữa dân tộc, chủ nghĩa xã hội và tôn giáo*, đồng thời cũng là một trong những yếu tố cơ bản đảm bảo việc thực hiện ngày càng tốt hơn *quyền tự do tôn giáo*.

Ai cũng biết, *tự do tôn giáo* là một nội dung quan trọng của nhân quyền. Nhưng tôn giáo còn là một yếu tính của *bản sắc tộc người*, của quốc gia. Tuy thế cũng là cần thiết sự hài hoà giữa các chuẩn mực quốc tế (Công ước quốc tế, chẳng hạn *Tuyên ngôn nhân quyền 1948; Bản tuyên bố của Liên hiệp quốc về sự hạn chế của hình thức bạo lực và phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng* (1981) với quan niệm tự do tôn giáo của các quốc gia. Ngay gần đây năm 1996, John Witte trong cuốn *Những quyền cơ bản và tự do tôn giáo ở Mỹ* cũng đã nhấn mạnh một số điểm “khác biệt nhất định” giữa luật pháp Hoa Kỳ và những điều khoản tự do tôn giáo trong các văn bản Quốc tế nói trên⁽¹⁾.

Đúng là *Quyền tự do tôn giáo* là câu chuyện còn dài của loài người. Chúng ta rất trân trọng những giá trị tổng quát của các văn kiện Quốc tế nói trên, nhưng như chính một học giả Mỹ khác là David Little đã phân tích: Cái khó đầu tiên là liệu Nhà nước có thể định nghĩa thuật ngữ “tôn giáo”? Liệu quyền *tự do cải đạo* có là tuyệt đối và phổ biến và được bảo vệ (với Islam giáo chẳng hạn) hay có nên coi các Bản tuyên bố ấy tự nó đã là những điều khoản của *Công ước Quốc tế*?

Lẽ dĩ nhiên, cũng như mọi quốc gia văn minh, Việt Nam cũng đã và đang có những nỗ lực đáng kể, gắn các *Công ước Quốc tế* và quyền *Tự do tôn giáo* phổ quát ấy vào luật pháp của mình.

Trong việc thực thi quyền tự do tôn giáo, vấn đề tách biệt Nhà thờ khỏi Nhà nước là quan điểm cần được tôn trọng ở mọi xã hội thế tục và cũng là mối quan tâm cho hoà bình, công bằng, tự do và chất lượng sống. Nếu tôi nhớ không lầm thì chính Ngài William Penn, người sáng lập ra lí thuyết tách Nhà thờ khỏi Nhà nước từ cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII đã nói rằng: vì tôn giáo cơ bản là vấn đề cá nhân con người nên Chính phủ cần có thái độ ủng hộ mọi tôn giáo hơn là chỉ ủng hộ một tôn giáo!

Liên hệ điều này chúng tôi nghĩ rằng: ở Việt Nam, hoá ra, chính thái độ mácxít phi tôn giáo của nhà nước lại cũng là điều kiện để nhà nước có một thái độ khách quan, bình đẳng với mọi tôn giáo, điều hết sức cần thiết để tránh các xung đột tôn giáo ở một quốc gia đa tôn giáo. Ở Việt Nam lúc này, về mặt thần học cũng chưa thấy các xu hướng cơ sở của chủ nghĩa cực đoan tôn giáo như *chủ nghĩa Toàn thống* (fundamentalism), *Toàn thủ* (intégrism).

3. Dù mô hình nhà nước thế tục có khác nhau thì nước nào cũng phải thực hiện các nguyên tắc phổ biến của một thể chế thế tục và nói chung giải quyết tốt quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo.

Cho đến nay, Việt Nam đã công nhận tư cách pháp nhân cho 16 tổ chức tôn giáo, thuộc 6 tôn giáo chính (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Islam giáo, Cao Đài và Phật giáo Hoà Hảo). Từ đầu 2005, với *Chỉ thị 01* của Chính phủ nhiều hệ phái

1. Xem: Derek Davis. *Sự phát triển quyền tự do tôn giáo trở thành quyền con người trên toàn cầu*. Bản tin của Phòng Văn hoá, Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Hà Nội, số 5 – 2004.

Tin Lành sẽ được *đăng kí* cũng như một số tôn giáo, hệ phái khác. Mới đây nhất, nhiều hệ phái đã được Nhà nước công nhận: *Đạo Ba'hai, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội*, v.v...

Phần lớn các tôn giáo nói trên đều thể hiện đường hướng đồng hành với dân tộc qua những khẩu hiệu khác nhau như: *Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc* (Công giáo); *Phụng sự Thiên chúa, phụng sự Tổ quốc* (Tin Lành); *Đạo Pháp, dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội* (Phật giáo); *Nước vinh - Đạo sáng* (Cao Đài và Phật giáo Hoà Hảo), v.v...

Dù rằng hiện nay, “cách hiểu về lý thuyết tục hoá - vốn được coi như sự tiến bộ của hiện đại hoá, tôn giáo đang mất dần đi vị trí nổi trội của mình - đang bị thách thức từ nhiều góc độ về nguyên tắc, đặc biệt kể từ sau ngày 11 - 9 - 2001⁽²⁾, và dù hôm nay, bên cạnh khái niệm *Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo* đã xuất hiện khái niệm *chủ nghĩa tôn giáo bạo lực*. Từ phía các tôn giáo ở Việt Nam, không biết tôi có chủ quan hay không, nhưng chưa thấy có những biểu hiện này.

Vấn đề này rõ ràng gắn với việc xây dựng một *xã hội dân sự*, điều mà các xã hội tiên tiến Âu Mỹ cũng phải trải qua hàng thế kỉ xây dựng nên.

Bài viết *Tôn giáo, xã hội dân sự và An ninh* của Robert. A. Seiple trong sách trên có tổng kết 7 yếu tố *hấp dẫn* của một xã hội dân sự. Ông nhấn mạnh đến “các giá trị được chia sẻ”, “quản lí có trách nhiệm”, “sự điều tiết”, “sự tôn trọng”... để kết luận: “Chúng ta cần tìm kiếm một cách sáng tạo nơi mà tự do chủ động và tự do thụ động hợp thành một, hướng đến mục tiêu cuối cùng của một xã hội dựa

trên các giá trị dân sự vốn là cơ sở thực sự cho an ninh lâu dài”⁽³⁾.

Tuyên ngôn toàn thế giới về thể chế thế tục trong thế kỉ XXI của EM BARGO vừa qua (9/12/2005) cũng đã khẳng định rằng, thể chế thế tục phải được xem là một nguyên tắc của các bộ luật quốc gia, mang tính thế tục, dân chủ và xã hội. Nguyên tắc đó sẽ đảm bảo cho việc thực thi *quyền tự do tôn giáo* của con người trong thế kỉ mới, ngay khi cái quyền nhạy cảm và phức tạp ấy của con người ngày một đa dạng, phức tạp hơn.

Cánh cửa *Đổi mới* ở Việt Nam 20 năm qua rõ ràng đã đem lại sự chuyển mình mạnh mẽ, toàn diện của đất nước. Thực sự một quan niệm về một xã hội dân sự như môi trường đảm bảo tốt nhất cho đời sống các tôn giáo đã và đang hình thành. Có điều, cũng giống như mọi hiện tượng xã hội khác, quá trình này cũng đòi hỏi thời gian, sự kiên nhẫn và tỉnh táo.

Tôi không nghĩ rằng ở Việt Nam mọi chuyện về mối quan hệ giữa nhà nước và các tôn giáo là đã hoàn toàn tốt đẹp, là “không có chuyện gì”. Nhưng tôi vẫn có thể khẳng định: các tôn giáo ở Việt Nam hôm nay *được sống* đời sống tâm linh tín ngưỡng và đời sống xã hội của mình ngày một hồ hởi, sống động hơn trong bầu không khí chung của sự *đồng thuận xã hội* ngày một mở rộng./.

2. Dennis R. Hoover. “Tôn giáo trở nên hiện thực”, trong cuốn *Tôn giáo và An ninh, Mối liên mới trong quan hệ quốc tế*, Robert A. Seiple và Dennis Hoover (chủ biên), Nxb. Rowman và Littleee field, Mỹ, 2004.

3. Nguyên văn: “We must creatively and proactively seek that place where freedom to and freedom from become one, toward the end of a values - based civil society that is the true foundation for enduring security.” Robert A. Seiple và Dennis Hoover (chủ biên). *Tôn giáo và An ninh*, Sđd.